

## ĐỀ THI MÁC LÊNIN (2015)

1. Giá cả hàng hóa được quyết định bởi:
  - A. Giá trị hàng hóa
  - B. Giá trị của tiền trong lưu thông
  - C. Cung cầu và cạnh tranh
  - D. A, B, C đều đúng
2. Lao động trừu tượng chỉ có ở trình độ cao, còn người có trình độ thấp chỉ có lao động cụ thể:
  - A. Đúng
  - B. Sai
3. Khi năng suất lao động tăng lên thì:
  - A. Số lượng lao động hao phí trong thời gian không đổi
  - B. Giá trị một đơn vị hàng hóa giảm
  - C. Số lượng hàng hóa làm ra trong một đơn vị thời gian tăng lên
  - D. B, C đều đúng
4. Mâu thuẫn cơ bản của sản xuất hàng hóa giản đơn ?
  - A. Giữa giá trị sử dụng và giá trị
  - B. Giữa lao động giản đơn và lao động phức tạp
  - C. Giữa lao động tư nhân và lao động xã hội
  - D. Giữa lao động cụ thể và lao động trừu tượng
5. Mâu thuẫn cơ bản thuộc về bản chất của CNTB là mâu thuẫn:
  - A. Giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản
  - B. Giữa quan hệ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và trình độ xã hội hóa của lực lượng sản xuất
  - C. Giữa sản xuất và tiêu dùng
  - D. A, B, C đều đúng
6. Quy luật giá trị là:
  - A. Quy luật kinh tế cơ bản của CNTB
  - B. Quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất và trao đổi hàng hóa
  - C. Quy luật kinh tế chung cho mọi phương thức sản xuất
  - D. Quy luật kinh tế đặc thù của từng phương thức sản xuất
7. Địa tô tuyệt đối có ở loại ruộng đất nào:
  - A. Ruộng đất xấu
  - B. Ruộng đất trung bình
  - C. Ruộng đất tốt
  - D. **Cả A, B, C**
8. Chọn phương án đúng điền vào chỗ trống: “Chất của ... là do ... của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa”
  - A. Giá trị hàng hóa/ Lao động phức tạp
  - B. Giá trị hàng hóa / Lao động cụ thể
  - C. **Giá trị hàng hóa/ Lao động trừu tượng**
  - D. Giá trị sử dụng/ Lao động trừu tượng

9. Tiền công TBCN là:
- A. Giá trị của lao động
  - B. Giá cả của lao động
  - C. Giá trị của sức lao động
  - D. Giá cả của sức lao động**
10. Giá trị thặng dư là:
- A. Một bộ phận của giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động của công nhân làm thuê tạo ra thuộc về nhà tư bản**
  - B. Hiệu số giữa giá bán hàng và chi phí sản xuất
  - C. Giá trị mới do công nhân làm thuê tạo ra và thuộc về nhà tư bản
  - D. Lợi nhuận thu được của nhà sản xuất kinh doanh
11. Chọn ý KHÔNG đúng:
- A. Tư bản bất biến (c) là điều kiện để sản xuất ra giá trị thặng dư (m)
  - B. Tư bản khả biến (v) là nguồn gốc của giá trị thặng dư (m)
  - C. Cả c và v có vai trò ngang nhau trong quá trình tạo ra m**
  - D. Cả A, B đều đúng
12. Giá trị thặng dư thu được do tăng năng suất lao động là:
- A. Giá trị thặng dư tuyệt đối
  - B. Giá trị thặng dư tương đối
  - C. Giá trị thặng dư siêu ngạch
  - D. B, C đều đúng**
- Bàn luận: Giá trị thặng dư tương đối thu được do tăng năng suất lao động **xã hội**, còn giá trị thặng dư siêu ngạch do tăng năng suất lao động **cá biệt**. Theo đề bài, chỉ hỏi tăng năng suất lao động, không nói xã hội hay cá biệt nên quyết định chọn câu D.
13. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối đều có điểm giống nhau là:
- A. Đều làm cho công nhân tiêu tốn nhiều sức lao động hơn
  - B. Đều làm tăng tỷ suất giá trị thặng dư
  - C. Đều làm giảm giá trị sức lao động
  - D. A, B, C đều đúng**
14. Nếu nhà tư bản trả tiền công cho công nhân đúng giá trị sức lao động thì có bóc lột giá trị thặng dư không ?
- A. Có**
  - B. Không
15. Cách diễn tả nào sau đây là Sai ?
- A. Giá trị mới của sản phẩm bằng  $v + m$
  - B. Giá trị của sản phẩm mới bằng  $v + m$**
  - C. Giá trị của tư liệu sản xuất là c
  - D. Giá trị của sức lao động là v

16. Tư bản đầu tư 900.000 USD trong đó bỏ vào tư liệu sản xuất 780.000 USD, số công nhân thu hút vào sản xuất là 400 người, trình độ bóc lột là 200%. Hỏi lượng giá trị mới do công nhân tạo ra là bao nhiêu ?
- A. 3150 USD
  - B. 1200 USD
  - C. 900 USD**
  - D. 600 USD

Bài giải:

$$C = 780\ 000$$

$$V = 900\ 000 - 780\ 000 = 120\ 000 \text{ (tiền này trả cho 400 công nhân)}$$

Trình độ bóc lột tức tỷ suất giá trị thặng dư  $m'$  là 200% (tỷ suất giá trị thặng dư thể hiện trình độ bóc lột của tư bản) :  $m' = \frac{m}{v} \cdot 100\%$  suy ra  $m = m' \times v = 200\% \times 120\ 000 = 240\ 000$  (giá trị thặng dư do 400 công nhân tạo ra)

Đề bài hỏi lượng giá trị mới do công nhân tạo ra:

Giá trị mới = giá trị sức lao động + giá trị thặng dư

$$= (120\ 000 + 240\ 000) / 400 = 900 \text{ USD} \Rightarrow \text{chọn C}$$

17. Hình thức nào không phải là biểu hiện của giá trị thặng dư:

- A. Lợi nhuận
- B. Tiền lương**
- C. Địa tô
- D. Lợi tức

18. Khi cường độ lao động tăng lên thì:

- A. Giá trị một đơn vị hàng hóa giảm xuống
- B. Lượng lao động hao phí trong một đơn vị thời gian không thay đổi
- C. Giá trị một đơn vị hàng hóa tăng lên
- D. Số lượng hàng hóa làm ra trong một đơn vị thời gian tăng lên**

19. Giá trị của hàng hóa được quyết định bởi:

- A. Quan hệ cung - cầu về hàng hóa
- B. Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa**
- C. Sự khan hiếm hàng hóa
- D. Công dụng của hàng hóa

20. CNTB độc quyền nhà nước là:

- A. Một quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội**
- B. Một cơ chế điều tiết của nhà nước tư sản
- C. Một kiểu tổ chức kinh tế - xã hội
- D. Một chính sách trong giai đoạn độc quyền

21. Giá trị hàng hóa là một phạm trù mang tính
- A. Vĩnh viễn
  - B. Lịch sử**
  - C. Xã hội
  - D. Tất cả đều sai
22. Lượng giá trị của hàng hóa được tính bằng
- A. Thời gian lao động cá biệt
  - B. Thời gian lao động thặng dư
  - C. Thời gian lao động xã hội cần thiết**
  - D. Thời gian lao động tất yếu
23. Trong lưu thông tư bản, tiền vận động theo phương thức nào ?
- A.  $H - T - H$
  - B.  $H - T' - H$
  - C.  $T - H - T$
  - D.  $T - H - T'$**
24. Giá trị thặng dư nào chỉ có những nhà tư bản có kỹ thuật tiên tiến thu được:
- A. Giá trị thặng dư tương đối
  - B. Giá trị thặng dư tuyệt đối
  - C. Giá trị thặng dư siêu ngạch**
  - D. Cả ba đáp án trên
25. Tốc độ chu chuyển của tư bản là số vòng chu chuyển của tư bản trong một:
- A. Ngày
  - B. Tuần
  - C. Tháng
  - D. Năm**
26. Phạm trù cơ bản nhất của CNXH khoa học là:
- A. Cách mạng XHCN
  - B. Hình thái kinh tế xã hội CSCN
  - C. Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**
  - D. Cách mạng cộng sản chủ nghĩa
27. Cuộc cách mạng nào nhằm thay thế chế độ tư bản lỗi thời bằng chế độ xã hội chủ nghĩa ?
- A. Cách mạng tư sản
  - B. Cách mạng vô sản
  - C. Cách mạng XHCN**
  - D. Cách mạng CSCN
28. Nhà nước XHCN đặt dưới sự lãnh đạo của ai?
- A. Giai cấp công nhân
  - B. Đảng Cộng sản**
  - C. Nhân dân lao động
  - D. Tầng lớp trí thức
29. Đặc trưng nổi bật của nhà nước XHCN là gì ?
- A. Quản lý xã hội bằng pháp luật

- B. Thực hiện chuyên chính vô sản
  - C. Nhà nước không còn nguyên nghĩa**
  - D. Tổ chức xây dựng xã hội mới
30. Hai tiêu chí để nhận biết giai cấp công nhân
- A. Phương thức lao động, phương thức sản xuất - Vị trí trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.**
  - B. Phương thức lao động, phương thức sản xuất - Trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất.
  - C. Trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất - Vị trí trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.
  - D. Vị trí trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa: là lực lượng sản xuất cơ bản và tiên tiến.
31. Nhân tố quyết định hàng đầu đảm bảo cho giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình được coi là:
- A. Có tinh thần cách mạng triệt để nhất
  - B. Có ý thức tổ chức, kỷ luật cao
  - C. Có bản chất quốc tế
  - D. Có Đảng Cộng sản lãnh đạo**
32. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là:
- A. Lật đổ giai cấp tư sản
  - B. Xóa bỏ chế độ TBCN
  - C. Giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động.
  - D. Xóa bỏ chế độ TBCN, xây dựng thành công CNXH và CNCS.**
33. Giai cấp công nhân là giai cấp có tinh thần cách mạng triệt để bởi vì:
- A. Giai cấp không có tư liệu sản xuất
  - B. Là giai cấp tiên phong Cách mạng
  - C. Là giai cấp bị trực tiếp áp bức bóc lột**
  - D. Giai cấp xóa bỏ chế độ áp bức bóc lột
34. Nguyên nhân sâu xa của cách mạng xã hội chủ nghĩa là do:
- A. Sự phát triển của tư liệu sản xuất
  - B. Sự phát triển của giai cấp công nhân
  - C. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất**
  - D. Mâu thuẫn giữa CNTB và CNXH
35. Mục tiêu giai đoạn thứ nhất của CM XHCN là gì ?
- A. Giải phóng con người, giải phóng xã hội
  - B. Xóa bỏ chế độ áp bức bóc lột
  - C. Giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động**
  - D. Xây dựng xã hội công bằng, dân chủ văn minh
36. Thời kỳ quá độ lên CNXH bắt đầu khi nào ?
- A. Từ khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động đứng lên thực hiện cách mạng XHCN
  - B. Từ khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động hoàn thành thắng lợi cách mạng XHCN
  - C. Từ khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành được chính quyền nhà nước
  - D. Từ khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động tạo ra được những cơ sở của chính mình trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.
- 37. Có mấy hình thức quá độ lên CNXH ?**

- A. Một
- B. **Hai**
- C. Ba
- D. Bốn

38. Đặc điểm cơ bản của xã hội XHCN là ?

- A. Có chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu
- B. Có nguyên tắc phân phối theo lao động
- C. Có nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân
- D. Có nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc.

39. Nhà nước XHCN có sứ mệnh là:

- A. Lật đổ giai cấp tư sản
- B. Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội
- C. **Đem lại lợi ích cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động**
- D. Quản lý tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội.

40. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác Lênin, đặc trưng cơ bản của dân chủ là:

- A. **Thừa nhận quyền làm chủ của nhân dân**
- B. Thừa nhận quyền tự quyết của nhân dân
- C. Thừa nhận quyền bình đẳng của nhân dân
- D. Thừa nhận quyền lực chính trị của nhân dân